

CHÍNH PHỦ
Số: 39/1998/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về xử lý tài sản chìm đắm ở biển

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 30 tháng 6 năm 1990;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

- Nghị định này quy định cụ thể việc xử lý tài sản chìm đắm ở biển.
- Việc xử lý tài sản chìm đắm ở biển được thực hiện theo quy định của Nghị định này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Tài sản chìm đắm ở biển nói tại Nghị định này bao gồm các loại tàu biển, hàng hóa hoặc các vật thể khác, không phân biệt nguồn gốc, giá trị, đặc tính, hình thức sở hữu và thời gian bị chìm đắm ở nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, trôi nổi trên biển hoặc dạt vào bờ biển Việt Nam.

Điều 3.

1. Chủ sở hữu tài sản chìm đắm có nghĩa vụ trục vớt tài sản chìm đắm. Trong trường hợp chủ sở hữu tài sản chìm đắm không thực hiện việc trục vớt hoặc trục vớt không đúng thời hạn yêu cầu thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Nghị định này quyết định việc trục vớt tài sản đó.

2. Chủ sở hữu tài sản chìm đắm chịu mọi chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản. Trong trường hợp tài sản chìm đắm là tàu biển thuộc sở hữu của chủ tàu Việt Nam nói tại khoản 1, Điều 177 Bộ Luật Hàng hải Việt Nam, thì chủ sở hữu tài sản chỉ chịu trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản trong giới hạn giá trị thực tế của tài sản đã được trục vớt. Phần còn lại được thanh toán từ phí bảo đảm hàng hải.

3. Người quản lý, khai thác tài sản chìm đắm phải chịu trách nhiệm liên đới trước các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc trục vớt tài sản chìm đắm và phải thanh toán các chi phí có liên quan đến việc trục vớt tài sản.

4. Trường hợp tài sản chìm đắm gây ô nhiễm môi trường thì chủ sở hữu tài sản phải bồi thường thiệt hại do ô nhiễm môi trường gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 4.

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các Bộ, ngành có liên quan để tổ chức xử lý tài sản là tàu biển chìm đắm và các tài sản chìm đắm khác gây nguy hiểm hoặc cản trở hoạt động hàng hải, khai thác cảng và tài nguyên biển, đe dọa tính mạng và sức khỏe con người, gây ô nhiễm môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành và địa phương liên quan để tổ chức xử lý các loại tài sản chìm đắm khác, không quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Những tài sản trực vớt được có liên quan đến an ninh quốc gia hoặc có giá trị đối với việc bảo tồn nền văn hóa dân tộc, lịch sử quốc gia phải thông báo các Bộ liên quan biết trước khi xử lý.

Điều 5. Mọi tổ chức, cá nhân có tài sản bị chìm đắm hoặc có liên quan đến việc phát hiện, trực vớt, bảo quản, giải quyết tài sản chìm đắm ở biển phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam. Nếu có thành tích sẽ được khen thưởng, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

XÁC ĐỊNH CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN CHÌM ĐẮM Ở BIỂN

Điều 6.

1. Tùy theo loại tài sản chìm đắm quy định tại khoản 1 và 2 Điều 4 Nghị định này, chủ sở hữu hoặc người quản lý, khai thác tài sản, người phát hiện hoặc người ngẫu nhiên trực vớt được tài sản chìm đắm phải thông báo ngay cho Cảng vụ hàng hải gần nhất hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi gần nhất biết.

Giám đốc Cảng vụ hàng hải hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã sau khi nhận được thông báo phải tiến hành các biện pháp cần thiết để bảo vệ, quản lý tài sản chìm đắm đó và báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) để báo cáo Bộ Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Trong trường hợp tài sản bị chìm đắm ở khu vực quân sự, chủ sở hữu hoặc người quản lý, khai thác tài sản hoặc người phát hiện hoặc người ngẫu nhiên trực vớt được tài sản chìm đắm ở khu vực quân sự cũng thông báo theo quy định tại khoản 1 của Điều này. Cơ quan nhận được thông báo đó ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của mình còn phải thông báo cho cơ quan quân sự đóng quân gần nhất.

Điều 7.

1. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xác định chủ sở hữu tài sản chìm đắm được phát hiện.

a) Trường hợp có giấy tờ (tài liệu) ghi tên và địa chỉ của chủ sở hữu tài sản chìm đắm, thì Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho chủ sở hữu tài sản theo địa chỉ đó.

b) Trường hợp tài sản chìm đắm ở biển mà chưa xác định chủ sở hữu tài sản, Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo ba lần liên tiếp trên báo Trung ương hoặc trên báo địa phương.

2. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày thông báo lần cuối cùng, chủ sở hữu tài sản chìm đắm hoặc người đại diện hợp pháp của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam phải liên lạc với cơ quan thông báo để làm thủ tục nhận lại tài sản.

Quá thời hạn nêu trên, tài sản sẽ bị giải quyết theo quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Nghị định này.

Điều 8. Thông báo tìm chủ sở hữu tài sản chìm đắm phải có các nội dung chủ yếu sau:

1. Mô tả đặc điểm, tính năng của tài sản chìm đắm;
2. Thời gian, địa điểm và hoàn cảnh phát hiện hoặc trực vớt được tài sản chìm đắm;
3. Thời hạn và địa chỉ mà chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu ủy quyền phải đến làm thủ tục nhận lại tài sản;
4. Địa chỉ của cơ quan thông báo để chủ sở hữu tài sản liên hệ giải quyết kịp thời.

Điều 9. Chi phí cho việc tìm chủ sở hữu tài sản chìm đắm được tính vào chi phí liên quan đến việc trực vớt tài sản chìm đắm.

CHƯƠNG III

TRỰC VỚT TÀI SẢN CHÌM ĐẮM Ở BIỂN

Điều 10. Trách nhiệm của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam liên quan đến việc trực vớt tài sản chìm đắm ở biển:

1. Trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định chấp nhận thời hạn dự kiến kết thúc hoạt động trực vớt tài sản chìm đắm ở biển quy định tại khoản 2, Điều 175 của Bộ luật Hàng hải Việt Nam.
2. Lập phương án trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định việc tổ chức trực vớt các tài sản chìm đắm ở biển quy định tại khoản 3, Điều 175 và khoản 1, khoản 2, Điều 177 của Bộ